

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.409.017.882.506	2.629.710.284.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	348.345.822.958	750.029.642.577
Tiền	111		222.160.980.128	659.804.762.662
Các khoản tương đương tiền	112		126.184.842.830	90.224.879.915
 Đầu tư tài chính ngắn hạn	 120		 404.476.228.128	 351.353.228.128
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	404.476.228.128	351.353.228.128
 Các khoản phải thu ngắn hạn	 130		 650.533.168.289	 720.769.811.704
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	310.897.964.932	536.221.620.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	190.253.548.586	38.399.735.103
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	366.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	172.105.113.761	168.871.914.873
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.108.213.935)	(26.108.213.935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.018.468.311	3.018.468.311
 Hàng tồn kho	 140	5.7	 980.268.616.570	 794.015.183.892
Hàng tồn kho	141		980.268.616.570	794.015.183.892
 Tài sản ngắn hạn khác	 150		 25.394.046.561	 13.542.417.946
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	4.145.532.826	1.427.463.424
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	19.184.160.878	1.427.270.713
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	2.064.352.857	10.687.683.809



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.985.896.153.383	3.948.676.505.841
Các khoản phải thu dài hạn	210		35.246.292.580	35.358.709.487
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	35.246.292.580	35.358.709.487
Tài sản cố định	220		883.281.471.327	934.547.123.136
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	864.175.515.563	914.913.358.760
Nguyên giá	222		2.113.323.547.101	2.101.053.319.392
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.249.148.031.538)	(1.186.139.960.632)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	19.105.955.764	19.633.764.376
Nguyên giá	228		33.695.807.886	33.695.807.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.589.852.122)	(14.062.043.510)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	7.424.336.263	8.172.825.121
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.064.256.990)	(29.315.768.132)
Tài sản dở dang dài hạn	240		680.333.388.656	596.850.767.018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	680.333.388.656	596.850.767.018
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	2.219.693.940.794	2.212.300.670.012
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.057.793.940.794	2.050.400.670.012
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		159.916.723.763	161.446.411.067
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	153.575.922.183	155.105.609.487
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.340.801.580	6.340.801.580
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.394.914.035.889	6.578.386.790.088

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.763.645.390.029	2.951.296.132.632
Nợ ngắn hạn	310		1.836.301.969.564	2.129.169.710.202
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	192.324.066.619	286.767.995.425
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	76.765.255.461	61.054.173.833
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	118.577.265.428	316.887.932.464
Phải trả người lao động	314		183.841.750.217	233.466.871.110
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.799.456.313	3.268.887.420
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16.1	405.509.940	509.932.792
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	249.512.801.630	222.045.392.602
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	668.539.270.773	654.319.851.532
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.009.525.358	17.071.518.606
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		326.527.067.825	333.777.154.418
Nợ dài hạn	330		927.343.420.465	822.126.422.430
Chi phí phải trả dài hạn	333		30.972.699.927	11.804.699.927
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16.2	167.026.719.741	167.749.044.624
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	395.253.449.237	393.972.051.844
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	232.786.582.045	148.837.582.045
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		101.303.969.515	99.763.043.990
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.631.268.645.860	3.627.090.657.456
Vốn chủ sở hữu	410		3.631.268.645.860	3.627.090.657.456
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.754.858.280.515	1.754.858.280.515
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		105.841.187.085	105.841.187.085
Quỹ đầu tư phát triển	418		413.588.312.181	413.783.153.249
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		4.939.201.509	161.357.400.554
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.073.533.526.666	927.523.138.424
LNST chưa phân phối năm trước	421a		786.565.426.797	724.469.502.323
LNST chưa phân phối năm nay	421b		286.968.099.868	203.053.636.101
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		278.508.137.904	263.727.497.629
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.394.914.075.889	6.578.386.790.088


NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập


HUỖNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng


Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.454.382.500.235	3.073.136.317.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	2.454.382.500.235	3.073.136.317.314
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.146.067.391.926	2.743.254.596.950
Lợi nhuận gộp	20		308.315.108.309	329.881.720.364
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.518.816.237	88.429.407.357
Chi phí tài chính	22	6.4	12.844.939.056	21.389.529.714
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		12.695.532.240	19.634.849.004
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		203.852.212.001	12.143.575.208
Chi phí bán hàng	25	6.5	79.259.323.085	68.731.229.528
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	128.576.523.137	106.160.453.219
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		308.005.351.269	234.173.490.468
Thu nhập khác	31	6.7	45.851.556.523	37.070.417.626
Chi phí khác	32	6.8	3.646.776.000	3.825.541.645
Lợi nhuận khác	40		42.204.780.523	33.244.875.981
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		350.210.131.792	267.418.366.449
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		37.474.408.304	45.195.185.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		312.735.723.488	222.223.180.979
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		286.968.099.868	203.053.636.101
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		25.767.623.620	19.018.344.878

NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập

HUỲNH THỊ HẠNH

Kế toán trưởng



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QUANG ĐỊNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

	Mã số	06 tháng đầu năm 2018 VND	06 tháng đầu năm 2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	350.210.131.792	267.418.366.449
Khấu hao tài sản cố định	02	66.995.694.907	59.931.682.632
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(70.586.194)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.550.618.665)	(59.920.475.269)
Chi phí lãi vay	06	12.695.532.240	19.634.849.004
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	354.863.010
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	412.280.154.080	287.419.285.826
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	233.630.261.612	49.341.062.298
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(186.553.547.208)	(172.548.143.684)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(996.074.103.268)	(408.356.165.552)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(548.507.442)	(10.528.366.338)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.353.120.088)	(17.410.061.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(48.761.911.020)	(30.768.981.666)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.633.894.546
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.209.540.000)	(20.008.961.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(605.590.313.334)	(314.226.437.164)
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.809.078.866)	(16.010.009.621)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	536.909.091	1.061.913.062
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(429.893.000.000)	(133.255.066.300)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	415.770.000.000	190.038.143.772
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(37.777.689.190)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.024.929.033	24.489.777.687
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	199.334.756.608	37.392.926.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	166.964.515.866	65.939.995.591
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	(11.700.195.587)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.739.104.768.187	2.349.636.974.040
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.694.936.348.946)	(2.159.953.720.006)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.235.034.338)	(8.054.525.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.933.384.903	169.928.533.447
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(401.692.412.565)	(78.357.908.126)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	750.029.642.577	979.248.530.418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.592.946	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	348.345.822.958	900.890.622.292

NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lập

Kê toán trưởng

HUỲNH THỊ HẠNH

Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm 2018, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần.	51,00%	51,00%	51,00%

Các công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch.	50,00%	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường.	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết.	43,48%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô.	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh.	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ.	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu.	20,00%	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Số 9 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	7-9-11 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	24,99%	24,99%	12,74%
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ P. Nguyễn Thái Bình Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	Vận tải hàng hóa đường bộ.	56,44%	56,44%	56,44%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển.	45,15%	45,15%	45,15%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tập đoàn giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo tài chính hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.15 Các khoản trích theo lương

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương tối thiểu vùng vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo qui định hiện hành, các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	TP. HCM	Công ty Liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ	4.187.521.768	16.236.337.014
Tiền gửi ngân hàng	217.973.458.360	643.568.425.648
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	126.184.842.830	90.224.879.915
	348.345.822.958	750.029.642.577

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (1)	2.057.793.940.794	2.050.400.670.012
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (2)	161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (3)	200.000.000	200.000.000
	2.219.693.940.794	2.212.300.670.012

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	27.621.080.568	27.621.080.568
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	142.203.679.808	138.065.606.150
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam	272.523.029.562	272.523.029.562
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	862.497.872.389	862.497.872.389
Công ty TNHH Dịch Vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho	44.245.486.728	43.299.398.343
Công ty CP Hòa Phú	50.259.371.539	50.259.371.539
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	1.367.827.850
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2	21.850.277.879	21.850.277.879
Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn	18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	122.099.970.135	122.099.970.135
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	27.649.085.321	27.649.085.321
Công ty LD giao nhận kho vận Bình Minh	41.427.203.947	41.427.203.947
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	743.149.300	786.401.825
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu	87.403.890.341	87.403.890.341
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	302.683.073.285	302.572.673.939
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	18.327.126.511	17.534.987.554
Công ty CP Ô tô An Thái	15.907.880.862	14.458.057.901
	2.057.793.940.794	2.050.400.670.012

(2) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định với tỷ lệ góp vốn là 16,17%.

(3) Đây là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	2.388.919.483	1.918.566.167
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	8.764.290	30.137.360
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	195.489.358	17.896.666.198
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	135.230.799	102.052.034
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	2.319.758.345	1.123.554.552
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	29.396.035.015	2.920.000.000
Các tổ chức khác		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định	-	99.759.296.960
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	-	54.207.780.000
Các khách hàng khác	276.453.767.642	358.263.567.447
	310.897.964.932	536.221.620.718

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2	4.653.000.000	5.183.789.000

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

Công ty Cổ phần xe khách Sài Gòn	1.947.645.000	-
Các tổ chức khác		
Các nhà cung cấp khác	171.652.903.586	21.215.946.103
	190.253.548.586	38.399.735.103

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	366.286.634	366.286.634

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Vận tải				
Kumho Samco Buslines	-	-	2.550.000.000	-
Công ty TNHH				
Mercedes-Benz Việt Nam	-	-	1.090.909.091	-
Công ty TNHH Ô tô				
Isuzu Việt Nam	15.746.305	-	119.953.511	-
Công ty TNHH Vận Tải				
Sông Sài Gòn	123.605.791	-	123.605.791	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng –				
Phú Hữu	35.858.851.920	-	16.358.851.920	-
Công ty Liên doanh Vận tải				
thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	5.849.054.747	-
Công ty TNHH Liên Doanh				
Giao nhận Kho vận Bình Minh	128.866.791	-	53.407.090	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.940.000.000	-	2.940.000.000	-
Các khoản phải thu khác				
Phải thu cổ phần hóa	1.655.860.037	-	1.400.146.293	-
Tạm ứng	3.391.459.765	-	11.545.741.674	-
Ký quỹ	2.007.522.260	-	3.630.281.454	-
Phải thu khác	120.134.146.145	-	123.209.963.302	-
	172.105.113.761	-	168.871.914.873	-

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ	31.310.293.140	-	30.468.048.140	-
Phải thu khác	3.935.999.440	-	4.890.661.347	-
	35.246.292.580	-	35.358.709.487	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường		-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	308.330.195.162	-	324.906.905.938	-
Công cụ dụng cụ	1.076.534.132	-	1.514.704.340	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.415.661.174	-	148.964.165.994	-
Thành phẩm	421.469.774.546	-	189.157.960.022	-
Hàng hóa	109.286.307.711	-	127.280.518.623	-
Hàng gửi đi bán	690.143.845	-	2.190.928.975	-
	980.268.616.570	-	794.015.183.892	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí sửa chữa	455.122.721	509.733.284
Chi phí khác	3.690.410.105	917.730.140
	4.145.532.826	1.427.463.424

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền thuê đất	70.676.996.226	72.390.566.458
Công cụ dụng cụ	244.105.644	856.031.242
Chi phí sửa chữa	1.232.247.850	402.118.941
Chi phí san lấp mặt bằng Cảng Phú Hữu	36.299.526.022	36.299.526.022
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Cảng Phú Hữu	41.840.676.013	41.840.676.013
Chi phí khác	3.282.370.428	3.316.690.811
	153.575.922.183	155.105.609.487

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	1.315.179.098.813	219.944.967.423	472.066.101.180	25.569.878.907	68.293.273.069	2.101.053.319.392
Mua sắm trong kỳ	151.996.725	3.524.972.091	5.588.047.018	320.647.745	993.820.462	10.579.484.041
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.553.831.623	-	54.476.818	-	-	4.608.308.441
Tặng khác	-	44.918.908	3.674.740.109	-	-	3.719.659.017
Giảm do thanh lý	(115.688.449)	(317.099.150)	(2.249.326.094)	(106.864.823)	(128.586.257)	(2.917.564.773)
Giảm khác	-	-	(3.674.740.109)	(44.918.908)	-	(3.719.659.017)
Tại ngày 30/06/2018	1.319.769.238.712	223.197.759.272	475.459.298.922	25.738.742.921	69.158.507.274	2.113.323.547.101
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2018	629.764.082.562	129.179.194.152	359.986.701.743	20.396.313.874	46.813.668.301	1.186.139.960.632
Khấu hao trong kỳ	30.316.818.767	13.583.434.911	15.630.796.196	1.426.004.051	6.174.350.563	67.131.404.488
Giảm do thanh lý	(115.688.449)	(317.099.150)	(2.249.326.094)	(106.864.823)	(55.920.405)	(2.844.898.921)
Giảm khác	-	-	(1.278.434.661)	-	-	(1.278.434.661)
Tại ngày 30/06/2018	659.965.212.880	142.445.529.913	372.089.737.184	21.715.453.102	52.932.098.459	1.249.148.031.538
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	685.415.016.251	90.765.773.271	112.079.399.437	5.173.565.033	21.479.604.768	914.913.358.760
Tại ngày 30/06/2018	659.804.025.832	80.752.229.359	103.369.561.738	4.023.289.819	16.226.408.815	864.175.515.563

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

5.10 Tính hình tăng giảm tài sản cố định vô hình						
	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng VND	Quyền sử dụng đất VND	Lợi thế thương mại VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	11.419.768.771	217.654.582	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	33.695.807.886
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	11.419.768.771	217.654.582	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	33.695.807.886
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	9.148.799.816	217.654.582	877.402.000	1.425.873.503	2.392.313.609	14.062.043.510
Khấu hao trong kỳ	422.915.070	-	-	-	104.893.542	527.808.612
Tại ngày 31/12/2017	9.571.714.886	217.654.582	877.402.000	1.425.873.503	2.497.207.151	14.589.852.122
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	2.270.968.955	-	10.314.690.000	-	7.048.105.421	19.633.764.376
Tại ngày 31/12/2017	1.848.053.885	-	10.314.690.000	-	6.943.211.879	19.105.955.764

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

5.11 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho, bến bãi VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 30/06/2018	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	8.549.799.298	4.545.067.126	16.220.901.708	29.315.768.132
Khấu hao trong kỳ	91.860.000	97.340.988	559.287.870	748.488.858
Tại ngày 30/06/2018	8.641.659.298	4.642.408.114	16.780.189.578	30.064.256.990
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	1.975.938.613	4.447.636.874	1.749.249.634	8.172.825.121
Tại ngày 30/06/2018	1.884.078.613	4.350.295.886	1.189.961.764	7.424.336.263

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công Trình xây dựng Bến xe Miền Đông mới	569.692.495.094	500.776.257.477
Các công trình khác	110.640.893.562	96.074.509.541
	680.333.388.656	596.850.767.018

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	254.210.000	59.450.000
Công ty CP Hòa Phú	33.011.800	55.836.270
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	38.365.912.019	57.340.269.401
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	282.691.526	513.840.922
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	3.866.363.636	4.266.363.638
Các tổ chức khác	149.521.877.638	224.532.235.194
	192.324.066.619	286.767.995.425

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	-	11.907.000.000
Các tổ chức khác		
Công ty CP Bất động sản Tiến Phước	-	10.962.903.124
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Cần Giờ	7.509.000.000	-
Ban quản lý dự án cấp nước nam Thủ Dầu Một	9.408.600.000	-
Các khách hàng khác	59.847.655.461	38.184.270.709
	76.765.255.461	61.054.173.833

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19.184.160.878	1.427.270.713
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	2.064.352.857	10.687.683.809
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	118.577.265.428	316.887.932.464

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

5.16.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Cung cấp hàng hóa	-	-
Doanh thu chưa thực hiện khác	405.509.940	509.932.792
	<u>405.509.940</u>	<u>509.932.792</u>

5.16.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	167.026.719.741	167.794.044.624
	<u>167.026.719.741</u>	<u>167.749.044.624</u>

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.166.169.274	605.412.060
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.731.601.170	4.619.725.320
Lãi vay phải trả	-	8.846.593.753
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.246.900.593	8.363.490.273
Phải trả các đội thi công	196.111.473.379	196.111.473.379
Phải trả khác	45.256.657.214	3.498.697.817
	<u>249.512.801.630</u>	<u>222.045.392.602</u>

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	18.094.699.684	8.809.375.400
Phải trả khác	377.158.749.553	385.162.676.444
	<u>395.253.449.237</u>	<u>393.972.051.844</u>

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng	538.718.760.688	489.962.061.795
Các đơn vị khác	112.770.510.085	112.770.510.085
Kỳ phiếu nội bộ	7.050.000.000	5.950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	45.637.279.652
	<u>668.539.270.773</u>	<u>654.319.851.532</u>

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng	202.284.239.385	143.972.519.037
Các đơn vị khác	40.502.342.660	50.502.342.660
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(10.000.000.000)	(45.637.279.652)
	<u>232.786.582.045</u>	<u>148.837.582.045</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần

	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Doanh thu khai thác tàu sông	733.289.091	1.425.391.818
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.864.037.933	1.683.526.986
Doanh thu dịch vụ vận tải nội địa	28.026.958.057	79.133.105.963
Doanh thu dịch vụ kho vận	20.121.769.217	12.787.740.089
Doanh thu cho thuê văn phòng, container	1.059.068.000	32.456.082.064
Doanh thu bán hàng	50.036.372.562	33.714.377.888
Doanh thu bán hàng hóa	1.231.378.703.798	1.633.601.171.495
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	469.264.103.617	657.947.636.203
Doanh thu cung cấp dịch vụ	448.638.788.646	434.856.433.927
Doanh thu dịch vụ vận tải (xe qua bến, xe buýt, vắng lái, xe tải)	60.992.262.205	-
Doanh thu mặt bằng	31.885.844.619	30.832.428.151
Doanh thu xây dựng	76.746.838.662	113.364.183.607
Doanh thu khác	33.634.463.828	41.334.239.123
Doanh thu thuần	<u>2.454.382.500.235</u>	<u>3.073.136.317.314</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Giá vốn khai thác tàu sông	1.472.682.353	1.785.993.527
Giá vốn dịch vụ hàng hải	1.329.885.761	1.165.456.211
Giá vốn dịch vụ vận tải nội địa	26.601.662.008	18.906.854.546
Giá vốn dịch vụ kho vận	12.088.166.957	7.364.923.050
Giá vốn cho thuê văn phòng, container	329.830.511	350.749.419
Giá vốn hàng bán	47.432.508.516	-
Giá vốn bán hàng hóa	1.187.982.638.764	1.605.317.935.091
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	420.087.568.108	613.746.908.952
Giá vốn cung cấp dịch vụ	346.390.947.619	346.257.433.240
Giá vốn xây dựng	74.088.239.953	107.623.402.883
Giá vốn khác	28.263.261.376	40.734.940.031
	<u>2.146.067.391.926</u>	<u>2.743.254.596.950</u>
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	16.312.422.287	13.672.874.403
Thu từ các khoản đầu tư	-	12.143.575.208
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	11.904.647.866
Lãi tỷ giá hối đoái	30.457.338	91.920.751
Lãi từ bán cổ phiếu	-	27.194.172.313
Doanh thu tài chính khác	175.936.612	23.422.216.816
	<u>16.518.816.237</u>	<u>88.429.407.357</u>
6.4 Chi phí tài chính	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Chi phí lãi vay	12.695.532.240	19.634.849.004
Hoàn nhập dự phòng	-	(130.071.075)
Lỗ tỷ giá hối đoái	22.156.815	1.508.038.397
Chi phí tài chính khác	127.250.001	376.713.388
	<u>12.844.939.056</u>	<u>21.389.529.714</u>
6.5 Chi phí bán hàng	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Chi phí nhân viên	21.246.971.901	10.997.268.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.356.067.833	8.182.978.644
Chi phí bán hàng khác	48.656.283.351	49.550.981.949
	<u>79.259.323.085</u>	<u>68.731.229.528</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	62.388.593.161	42.955.619.455
Chi phí vật liệu	31.225.769	18.897.495
Chi phí đồ dùng văn phòng	419.053.919	199.334.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	821.375.252	542.149.319
Thuế, phí và lệ phí	79.744.017	59.524.319
Trích quỹ khoa học công nghệ	-	200.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.823.692.661	2.345.304.479
Chi phí bằng tiền khác	62.012.838.358	59.839.623.707
	128.576.523.137	106.160.453.219

6.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	399.534.092	3.636.387.273
Thu về vi phạm hợp đồng	150.324.000	275.475.000
Thu từ cho thuê mặt bằng	25.288.870.279	13.863.637
Thu nhập khác	20.012.828.152	33.144.691.716
	45.851.556.523	37.070.417.626

6.8 Chi phí khác

	6 tháng đầu 2018 VND	6 tháng đầu 2017 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	17.021.169	1.726.701.194
Chi phí khác	3.629.754.831	2.098.840.451
	3.646.776.000	3.825.541.645

NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ
Người lậpHUỲNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởngKT. TỔNG GIÁM ĐỐC
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2018